

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 117

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm ba mươi bảy, dòng thứ năm.

“*Viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa, nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn (kiến Đường dịch). Thủ nhị cú trùng thán hội trung đại sĩ chi Thật Đức, sở giác thù thắng, viễn siêu Thanh Văn dữ Bích Chi Phật chi địa*” (“Vượt xa địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhập pháp môn Không, Vô Tướng, Vô Nguyên (xem bản dịch đời Đường)”: Hai câu này một lần nữa tán thán Thật Đức của các vị đại sĩ trong hội, sự giác ngộ của các Ngài thù thắng, vượt xa các địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật). Mấy câu này dễ hiểu; đoạn kinh văn “*siêu tình ly kiến*” này là đoạn thứ năm, mà cũng là chuyện thứ năm. “*Viễn siêu Nhị Thừa*”, Thanh Văn là Tiểu Thừa, Bích Chi Phật là Trung Thừa. Câu kế tiếp là khế nhập tam-muội, “*nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn*”, những tam-muội này còn gọi là Đại Tam Không Tam-muội. Hai câu này cũng là tán thán đức năng chân thật của các vị Pháp Thân Bồ Tát dự hội. “*Sở giác thù thắng*”: “*Sở giác*” cũng là điều các Ngài chứng đắc, thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng ở chỗ vượt trội Nhị Thừa, “*thù thắng*” là nói đến ý nghĩa này!

Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết Thanh Văn là gì? “*Thanh Văn giả, Phật Tiểu Thừa pháp trung chi đệ tử, văn Phật chi giáo, ngộ Tứ Đế pháp chi lý, đoạn Kiến Tư nhị hoặc, xuất Phần Đoạn Sanh Tử, nhi nhập u Niết Bàn giả*” (Thanh Văn là đệ tử trong pháp Tiểu Thừa của đức Phật, nghe giáo pháp của Phật, ngộ lý của pháp Tứ Đế, đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, thoát khỏi Phần Đoạn Sanh Tử, bèn nhập Niết Bàn). Đối với những điều này, phải nói đại lược một phen. Vì sao gọi là Thanh Văn? Nghe đức Phật giảng kinh, giáo học, bèn khai ngộ, ngộ nhập lý của pháp Tứ Đế. Tứ Đế là nói đến Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là quả thế gian, Tập là nhân thế gian. Cách nói của đức Phật và cách nghĩ của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc giống nhau, đều là nói quả trước rồi mới nói đến nhân. Quả là gì? Quý vị đã từng ném trái, nên khi nhắc tới, quý vị sẽ có cảm xúc vô cùng nhạy bén. Sau đây, lại nói cho quý vị biết cái nhân phát sanh cái quả ấy, chẳng phải là nói nhân trước rồi mới nói đến quả. Vào thời ấy, hễ nói “*Đông Phương và Tây Phương*” thì Đông Phương là Trung Quốc, Tây Phương là Ấn Độ, cách nhìn của cổ nhân tương thông. Đây là hai tầng nhân quả, Diệt và Đạo là nhân quả xuất thế gian; Diệt là quả, Đạo là nhân. Đó là pháp Tứ Đế. Đế (諦) là chuyện chân thật, người hiện thời gọi nó là “*chân lý*”.

Đức Phật dạy con người: Thế gian này chỉ có khổ, chẳng có vui! Cái gọi là “vui” chính là gì vậy? Khổ tạm thời ngừng trong chốc lát, tạm ngừng, chẳng phải là vĩnh viễn ngưng dứt, quý vị bèn cảm thấy rất vui. Thí dụ như ăn uống, quý vị ăn no nê, ăn rất ngon, rất vui sướng. Nếu quý vị chẳng được ăn một bữa, liền cảm thấy khổ, đói bụng mà! Hai bữa chẳng được ăn càng khổ hơn. Đói tới bảy ngày sẽ chết đói! Lẽ nào chẳng khổ? Khổ chẳng thể biến thành lạc, cho nên khổ là thật, lạc là giả. Thí dụ như ăn thứ gì đó [cảm thấy] rất sung sướng. Ăn thứ quý vị ưa thích, ăn một chén rất vui sướng, ăn hai chén vẫn còn được, nhưng bắt quý vị ăn liên tục tới hai mươi chén, khổ ngay! Đó gọi là gì? Lạc có thể biến thành khổ, nên lạc chẳng phải là thật, nhưng khổ chẳng thể biến thành lạc. Trong kinh, đức Phật đã giảng những chuyện này rất nhiều, rất rõ ràng. Ngài dạy chúng ta, người sống trong thế gian này có tám nỗi khổ. Ngoài tám nỗi khổ (được gọi chung là Khổ Khổ), còn có Hoại Khổ, còn có Hành Khổ. Chúng sanh trong Dục Giới phải chịu đủ ba loại khổ lớn này, ai nấy đều chẳng có cách nào tránh né bốn loại đầu trong Khổ Khổ là sanh, lão, bệnh, tử.

“*Thần thức*”: Nhà Phật gọi là “thần thức”, người thế gian gọi là “linh hồn”. Linh hồn đi đâu thai. Đến đâu thai thì nhất định là có duyên với cha mẹ. Chẳng có duyên, kẻ ấy chẳng đến! Có người mong có con cái, mong ngóng cả đời vẫn chẳng có! Người ấy chẳng có duyên, chẳng có duyên gặp gỡ. Duyên gì vậy? Trong kinh, đức Phật đã dạy, duyên rất nhiều, rất phức tạp, nhưng chẳng ngoài bốn loại lớn, bốn loại lớn ấy gọi là “*tứ duyên sanh pháp*”. Trong bốn loại lớn ấy, thứ nhất là báo ân. Đứa trẻ ấy sanh vào nhà quý vị hết sức ngoan ngoãn, khéo léo, thông minh, đáng yêu, nó đến báo ân. Người Hoa gọi [đứa con như vậy] là “*hiếu tử, hiền tôn*” (con hiếu, cháu hiền). Vì thế, người ta phải bố thí ân đức, vì sao? Trong tương lai, con cháu đến báo ân đông đảo. Nếu kết oán cừu cùng kẻ khác, chuyện này sẽ phiền toái lắm! Trong tương lai, đứa trẻ sanh vào nhà quý vị để báo cừu, chẳng phải là phiền phức hay sao?

Thuở trước, hơn bốn mươi năm trước, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm tại Đài Bắc. Trong thính chúng có một vị, nay đã mất, cụ đã vãng sanh. Vị lão cư sĩ ấy lớn tuổi hơn chúng tôi rất nhiều, đại khái lớn hơn tôi hai mươi tuổi. Lão cư sĩ đến nghe kinh mỗi ngày. Chúng tôi nói đến những chuyện trong kinh, cụ bảo tôi: “Những chuyện ấy là thật, chẳng giả!” Trước thời Kháng Chiến, [tức là] trước khi cuộc kháng chiến [chống Nhật] bùng nổ, cụ sống tại Thượng Hải. Khi ấy, cụ đã buôn bán, chính mắt trông thấy. Không phải là chuyện của chính cụ, mà là chuyện của một người bạn cụ, tuổi cũng xấp xỉ tuổi cụ, hết sức thân thiết, cũng là đồng hương, họ là người tỉnh Chiết Giang. Người bạn ấy giúp việc cho một doanh nhân người Đức. Người Đức ấy kinh doanh một công ty cỡ nhỏ về tàu bè, hình như chỉ có một chiếc tàu. Người bạn ấy hết sức thật thà, làm việc hết sức có trách nhiệm, nên rất được ông chủ tín nhiệm. Sau khi cuộc Kháng Chiến bùng nổ, vị chủ nhân là người Đức, trở về nước, ủy thác công ty cho ông ta, dặn ông ta hãy cố gắng kinh doanh. Sau khi [ông chủ] trở về nước, ngay cả tin tức cũng chẳng có, cũng chẳng biết là còn sống hay không. Ông ta kinh doanh công ty ấy rất thuận lợi, tiền

kiếm được lại dùng mua thêm mấy chiếc tàu nữa, biến thành một công ty tàu bè [cỡ lớn]. Khi đó, đang trong thời Kháng Chiến, người Nhật chiếm đóng Thượng Hải; ông ta kinh doanh khá lắm, cũng kết hôn, sanh được một đứa con quả thật cũng rất đáng yêu, cũng rất ngoan ngoãn, khéo léo, đó là một bé trai. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, vị bằng hữu ấy tuổi cũng đã rất cao, dường như là nhằm sinh nhật thứ năm mươi, đứa con lên mười. Đứa nhỏ ấy hết sức thích dùng tiền, học Tiểu Học mà luôn đem theo mười mấy đồng. Thuở ấy, mười mấy đồng rất lớn. Trong thời gian Kháng Chiến, có thể nói là mười đồng gần như có thể dùng làm tiền chi dụng cả một tháng cho một gia đình bốn người. Đồng tiền rất có giá! Có một hôm, đứa bé ấy đi đường, làm rớt tiền, một cụ già nhặt được. Cụ già ấy là bạn của cha nó, do quen biết, nên cụ gọi tên đứa bé, cầm tiền trên tay, bảo: “Người gọi ta một tiếng bác, ta sẽ trả món tiền này cho người”. Đứa bé ấy nói như thế nào? “Ông gọi tôi một tiếng bác, tôi cho lại ông mười đồng”. Đứa bé ấy láu lỉnh đến mức độ ấy. Đến hôm sinh nhật, ông ta đột nhiên thấy con mình biến đổi, [có hình dạng giống như] ông chủ khi trước, nên mới hoảng nhiên đại ngộ: Ông chủ của ông ta đã chết, đầu thai đến nơi đây, tài sản này là của ông ấy. Do ông ta rất thông minh, ngay lúc ấy bèn tuyên bố toàn bộ tài sản của công ty này giao cho con ông ta, còn ông ta làm thuê cho con. Vị lão cư sĩ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện này, đứa bé ấy đến đòi nợ. [Đòi trước], nó ủy thác quý vị kinh doanh, chẳng tặng cho quý vị, nên lại [đầu thai] đến [đòi nợ]. Người ấy thật thà, lão thành, sau khi tuyên bố, bèn giữ thân phận làm công, về sau vẫn sống bình yên.

Cuối cùng, vị cư sĩ họ Ô ấy đến Đài Loan, cũng chẳng có liên lạc, nhưng tôi tin tưởng kết quả cuối cùng của [Ô cư sĩ] sẽ tốt đẹp, vì ông ta hiểu nhân quả, chẳng có tâm tham, vẫn chăm sóc đứa con rất chu đáo; bởi lẽ, ông ta hiểu rõ đứa con đến đòi nợ. Quý vị đối xử tốt với nó, nó cũng đối xử với quý vị tốt đẹp, cũng giống như trong quá khứ ông chủ đã tin tưởng, tín nhiệm quý vị. Đức Phật giảng chẳng sai, con cái bất hiếu, khinh lờn cha mẹ, thậm chí giết hại cha mẹ, đó là đến báo oán. Còn có trường hợp đến đòi nợ, hoặc đến trả nợ. Đức Phật chia [mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái] thành bốn loại lớn ấy. Sau khi đã giác ngộ, bất luận là quan hệ gì, mọi người cùng nhau học Phật, biến thành đồng tham đạo hữu. Chính mình đã khai ngộ, cũng giúp người nhà quyền thuộc ai nấy đều giác ngộ, đó là tốt đẹp! Đây cũng là như trong kinh thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Bất luận đối với quý vị là oán hay thân, là tranh chấp hay nợ nần, nói chung đều là kẻ có duyên, hễ gặp gỡ, đều phải dùng Phật pháp để giải quyết, đó là đúng!

Trong tám khổ, chẳng ai trốn khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Sống một trăm tuổi, vẫn phải chết. Sanh Khổ, chúng ta không biết, ai nấy đều quên sạch. Trong kinh, đức Phật dạy rõ những nỗi đau khổ khi trẻ thơ sanh ra. Ở trong thai mẹ mười tháng, kinh Phật hình dung nỗi khổ ấy bằng từ ngữ “*thai ngục*”, chẳng khác địa ngục cho mấy! Mẹ uống một chén nước nóng, con như ở trong tám địa ngục nóng. Mẹ uống một chén nước đá, con như ở trong tám địa ngục lạnh. Tâm tình, nhất cử, nhất động của mẹ đều gây ảnh

hưởng rất lớn cho con. Con phải ở trong bào thai mười tháng, ngàn ngũ nói là “*sống một ngày giống như cả năm*”; đau khổ như thế đó. Lão Khổ thì chúng ta trông thấy. Quý vị thấy nhiều cụ già, đặc biệt là đến thăm viện dưỡng lão, quý vị sẽ thấy vận mạng bi thảm của người già trong tuổi xế chiều, nhất định quý vị sẽ nghĩ ngợi: “Ta về già có gặp tình cảnh này hay không?” Nếu con cái bất hiếu, chẳng phải là sẽ đưa quý vị vào viện dưỡng lão ư? Rất có thể! Không có con cái, tuổi đã cao, chánh phủ cũng đưa quý vị vào viện dưỡng lão. Bên ngoại quốc, theo quy chế của ngoại quốc, như ở Mỹ, Úc Đại Lợi, những quốc gia ấy còn đỡ, quý vị đã già, sau khi về hưu, quốc gia cấp tiền dưỡng lão, tiền chi dụng mỗi tháng cứ đúng kỳ bèn gửi tới, về phương diện đời sống vật chất chẳng có vấn đề gì! Quá nữa là [con cái gửi cha mẹ] vào viện dưỡng lão, vì quý vị tuổi đã cao, cần có người chăm sóc, chẳng có cách nào sống trong gia đình của chính mình. Vì thế, tự mình bán nhà, đến sống trong viện dưỡng lão. Cuộc sống vật chất có thể sống được, nhưng chẳng có cuộc sống tinh thần. Nếu quý vị hỏi những người già: “Tình trạng cuộc sống của quý vị là như thế nào?” Họ sẽ trả lời bằng một câu: “Ngồi ăn chờ chết”. Viện dưỡng lão đông người, nói chung, mỗi tuần có một, hai trường hợp tử vong, được khiêng đi. Hằng ngày trông thấy hình ảnh, “ngày nào sẽ đến lượt ta?” Quý vị nói xem, bi thảm dường nào? Lão Khổ đấy!

Cổ nhân Trung Quốc, lúc tuổi cao bèn dưỡng lão trong gia đình, đông con, lắm cháu, con cháu đầy nhà, hưởng niềm vui thiên luân. Vì thế, xã hội cổ Trung Quốc đã giải quyết vấn đề này. “*Dục ấu*” (育幼) là giáo dục trẻ nhỏ, do gia tộc chịu trách nhiệm. Trường học do gia tộc thành lập gọi là Tư Thục. Tư Thục là trường học của con em trong gia tộc. Trước kia là đại gia đình, đông người, nên học trò đi học cũng tới mấy chục đứa. Gia tộc thông thường, một nhà đại khái có khoảng ba trăm người. Đại gia tộc, nhân đình hưng vượng, năm, sáu trăm người; nhân đình ít ỏi thì cũng có chừng hai trăm người. Cho nên [việc giáo dục trẻ thơ] do gia tộc chịu trách nhiệm, chế độ ấy hay lắm! Đệ Tử Quy là quy củ trong gia đình. Quý vị nói xem, gia đình đông người như thế, thiếu quy củ thì làm sao được! Chẳng phải là gia đình ấy sẽ rối beng ư? Vì thế, gia tộc đều có gia đạo, có gia quy; Đệ Tử Quy là gia quy chung. Còn có chỗ khác nhau là do mỗi gia tộc còn có [những quy chế] đặc biệt, vì sở học khác nhau, sự nghiệp kinh doanh khác nhau, nên còn có những quy củ đặc biệt. Những gia quy ấy do tổ tiên chế định, đều chép trong gia phả!

Gia phả là lịch sử của gia đình, đời đời truyền thừa, [ghi chép rành rẽ] dòng họ của quý vị do từ chỗ nào mà có, khi nào bắt đầu có dòng họ này. lịch sử gia đình được ghi chép rất rõ ràng. Theo cách nhìn của tôi, tuy không có căn cứ để chứng minh, nhưng tôi tin tưởng, đại khái Hán tộc tại Trung Quốc đều là “*Viêm Hoàng thế trụ*” (con cháu Viêm Hoàng), [Viêm là] Viêm Đế (炎帝) thuộc họ Thần Nông, [còn Hoàng] là Hoàng Đế (黃帝) [thuộc họ Hiên Viên]. Người Hán đều là con cháu của Viêm Đế và Hoàng Đế, một mạch truyền thừa! Trước đó là Phục Hy Thị. Nhân dân trong thời Phục Hy Thị

sống cuộc đời nguyên thủy, săn bắn để sinh nhai, ở trong hang núi, chưa có nhà cửa. Đến thời Thần Nông Thị mới bắt đầu biết trồng trọt, chẳng lấy săn bắn làm chủ yếu nữa, mà sống chủ yếu bằng cày cấy. Từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm. Theo lịch sử ghi chép, Hoàng Đế mới kiến tạo nhà cửa. Cung điện là do Hoàng Đế phát minh. Năm ngàn năm lịch sử của Trung Quốc, lịch sử lâu dài! Trong hai mươi lăm người con của Hoàng Đế, mười bốn người có “*tánh thị*”. Tánh thị¹ thưở ấy là gì? Họ được phong tước vị. Do vậy, chúng tôi tin tưởng, trước kia đọc sách Bách Gia Tánh² của Trung Quốc, hơn bốn trăm dòng họ đều là người một nhà. Trung Quốc hiện nay có năm mươi sáu dân tộc, bao nhiêu dòng họ? Hơn hai vạn bốn ngàn dòng họ; do đó, hiện thời không phải là Bách Gia Tánh mà là Vạn Gia Tánh.

¹ Tánh thị (姓氏) hiểu theo nghĩa hiện thời là những tiêu chí (criteria) để phân biệt các gia tộc khác biệt. Tánh thị có tác dụng phân biệt những người cùng thị tộc (có quan hệ huyết thống trực tiếp) để tránh xảy ra hôn nhân giữa những người có cùng huyết thống. Thoạt đầu, Tánh và Thị là hai khái niệm khác nhau. Nghĩa gốc của Tánh là con cái do cùng một mẹ sinh ra, vì thời cổ chưa có chế độ phụ hệ. Do đó, các họ cổ như Cơ, Tự, Quy, Diêu, Khương, Doanh... đều viết với bộ Nữ. Sau này, khi chế độ phụ hệ thành lập, Tánh mới gọi theo tên cha, và mang ý nghĩa, những người cùng Tánh là những người có cùng một ông tổ. Do con cháu ngày càng nhiều, hình thành các chi họ khác nhau, sống rải rác khắp nơi, thường lấy tên đất, tên chức quan, tên tự của ông tổ, hoặc nghề nghiệp để gọi các chi họ, hình thành nên khái niệm Thị. Như vậy, Tánh là danh xưng chung của toàn thể gia tộc, còn Thị là danh xưng của một chi tộc. Thời Tam Đại (Hạ, Thương, Châu), quy tộc hôn nhân dựa trên tánh Thị: Cùng Tánh, chẳng cần biết là Thị giống nhau hay khác nhau đều chẳng được lấy nhau. Thị giống nhau, nhưng Tánh khác nhau thì có thể lấy nhau. Lại còn quy định nam dùng Thị, nữ dùng Tánh. Về sau, hầu như Thị đóng vai trò chủ yếu để phân định dòng họ và Tánh Thị được gộp chung lại để chỉ dòng họ. Rất nhiều Thị thoạt đầu tuy cùng một tổ tiên, nhưng do quá trình thiên di và sinh hoạt, được coi như là những dòng họ riêng biệt. Một thí dụ nổi tiếng là Chúc Dung Bát Tánh, tức là con cháu của vua Chúc Dung (cháu bốn đời của Viêm Đế, họ Khương) được chia thành tám họ là Kỷ, Đồng, Bành, Vân, Tào, Châm, Thốc, Tân. Trong khi đó, riêng chính họ Khương lại chia thành các họ Lã, Tề, Tạ, Cao, Lư, Thôi v.v... Câu “*Hoàng Đế có hai mươi lăm người con, mười bốn người có tánh thị*” xuất phát từ thiên Ngũ Đế Bản Kỷ trong Sử Ký của Tư Mã Thiên, theo đó, những Thị ban đầu là Cơ, Đậu, Kỳ, Kỷ, Đằng, Châm, Nhậm, Tuân, Hy, Cật, Hoàn, Y v.v...

² Sách Bách Gia Tánh là một cuốn sách ghi các họ phổ biến tại Trung Quốc, không rõ ai là tác giả. Sách được hình thành vào đầu thời Bắc Tống, thoạt đầu chỉ ghi 411 họ, về sau, tăng thêm thành 504 họ. Trong đó, có 444 họ đơn và 60 họ kép (như Tư Mã, Thượng Quan, Âu Dương, Lệnh Hồ, Hoàng Phủ, Tư Đồ, Vũ Văn, Hồ Diên, Đao Mộc, Uất Trì, Hạ Hầu, Hiên Viên, Tư Khâu, Tư Đồ, Công Dã, Thuần Vu, Độc Cô, Nam Cung...). Thứ tự các họ không được ghi theo số lượng người mang họ ấy mà ghi sao đọc lên cho thuận miệng. Họ Triệu được xếp đứng đầu vì là họ của các vua nhà Bắc Tống. Sách ghi theo kiểu bốn chữ một, xin trích đoạn mở đầu như sau: “*Triệu, Tiên, Tôn, Lý. Chu, Ngô, Trịnh, Vương. Phùng, Trần, Chủ, Vệ. Tưởng, Trâm, Hàn, Dương. Châu, Tàn, Vu, Hứa. Hà, Lã (Lữ), Thí, Trương. Không, Tào, Nghiêm, Hoa. Kim, Ngụy, Đào, Khương...*”

Quý vị thấy đó, người đông như thế, nhiều sắc dân như thế, cương vực to lớn như thế, mấy ngàn năm chung sống hòa thuận, bền vững lâu dài, dựa vào gì? Dựa vào giáo dục. Bởi lẽ, người Trung Quốc biết gia giáo, có đại gia đình, [xã hội Trung Hoa thời cổ] là xã hội nông nghiệp, đông người dễ làm việc, theo đuổi canh tác hay theo đuổi việc khai khẩn đều cần nhân lực. Thuở đó, chẳng có máy móc, đời đời truyền thừa cho đến đầu thời Dân Quốc. Tại Trung Quốc, nông thôn khá nhiều; thật vậy, hiện thời nói tới xã hội cũ thì là đại gia tộc. Quý vị thấy đó, một thôn nọ gọi là Vương thôn (thôn họ Vương), người cùng một gia tộc. Thôn kia gọi là Trương thôn, cũng là người một nhà. Vì vậy, một nhà dạy dỗ tốt đẹp, gia trưởng có trách nhiệm, dạy dỗ người trong một gia tộc tốt đẹp. Hễ nhà đã tề, nước bèn trị! Biết dạy dỗ, dạy cho ai nấy đều là người tốt, đều biết hiếu, đễ, trung, tín, đều biết lễ, nghĩa, liêm, si, đều hướng tới nhân ái, hòa bình, xã hội làm sao bất hảo cho được? Vì lẽ đó, xã hội an định, chánh trị trong sáng, thiên hạ thái bình. Chúng ta thấy xã hội hiện thời, nhìn ra toàn thể thế giới, vấn đề quá ư là nhiều! Vì sao có lắm vấn đề ngàn ấy? Thiếu sót trong giáo dục! Hiện thời trường học rất nhiều, nhưng chẳng phải là giáo dục, mà là thứ gì vậy? [Trường học] là cơ sở để truyền thừa, huấn luyện khoa học và công nghệ, tôi cảm thấy danh xưng ấy rất thích hợp, chẳng thể gọi là “nhà trường”. Trường học phải tiến hành giáo dục, giáo dục nhằm dạy con người điều gì? Dạy con người làm người, dạy luân lý, [khiến cho] quý vị biết quan hệ giữa con người với nhau. Dạy đạo đức, quý vị biết con người cư xử với nhau như thế nào. Dạy nhân quả, thật sự hiểu “thiện nhân, thiện quả; ác nhân, ác báo”, tự quý vị biết ước thúc khởi tâm động niệm, chẳng dám làm chuyện xấu. Quý vị làm chuyện xấu, sẽ có báo ứng.

Nhân quả là nói đến ba đời. Con người không phải chỉ có một đời này. Chúng ta có đời quá khứ, có đời vị lai. Đời này khổ sở một chút, đời sau tốt đẹp. Nếu đời này hưởng hết phước, đời sau chịu khổ. Người tin theo nhân quả sẽ nói là “*phong thủy luân lưu xoay chuyển*”. Vì lẽ đó, chúng ta chẳng hâm mộ kẻ phú quý, vì sao? Trong quá khứ, người đó tu nhân lành, nay người ấy phải được phú quý. Đời quá khứ, chúng ta chẳng tu nhân lành, đời này phải sống khổ sở một chút. Hiểu rõ đạo lý này, tuy cuộc sống của chúng ta thanh bần, ta tu nhiều thiện nhân, tu thiện nhân rất siêng năng, vận mạng của ta bèn chuyển biến ngay trong đời này! Tuổi trẻ chịu khổ một chút, tuổi già hưởng phước, đời sau tốt đẹp hơn. Người hiểu rõ đạo lý này, trong xã hội sẽ chẳng cạnh tranh cùng kẻ khác. Cạnh tranh là phiền não, là tạo nghiệp. Vì thế, cổ nhân biết: “*Cả đời đều là mạng, chẳng do người nỡ phần*”, quý vị tranh chẳng được! Nếu thật sự có thể tranh được, Khổng Tử cũng tham gia cạnh tranh! Vì sao Khổng Tử chẳng tranh giành? Khổng Tử biết là tranh chẳng được. “*Trong mạng đã có thì rút cuộc sẽ có, trong mạng chẳng có, chớ cưỡng cầu*”, cầu chẳng được! Đối với chuyện tu nhân, đức Phật đã giảng đạo lý này, chúng ta phải hiểu rõ. Nhà Phật dùng phương pháp gì để tu nhân? Dùng bố thí. Chúng ta hy vọng phát tài, hãy tu tài bố thí. Hy vọng được thông minh, trí huệ, hãy tu pháp bố thí. Hy vọng khỏe mạnh, sống lâu, hãy tu vô úy bố thí; đức Phật dạy chúng ta những điều ấy. Vì thế, “*trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Đức Phật dạy quý vị

phương pháp và đạo lý, bản thân quý vị nương theo đạo lý ấy để tu học, quả báo bèn hiện tiền. Phát tài, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, có phải là do Phật, Bồ Tát ban cho quý vị hay không? Chẳng phải! Phật, Bồ Tát ban cho quý vị lý luận, phương pháp, quý vị tự cầu nhiều phước. Chớ nên không biết điều này!

Đối với Khổ, trừ sanh, lão, bệnh, tử ra, còn có Ái Biệt Ly Khổ. Người quý vị ưa thích, chuyện quý vị ưa chuộng, hoàn cảnh cuộc sống ưa thích đều cứ phải chia lìa. Quý vị chẳng có cách nào hưởng thụ trong một thời gian dài. Đó là Ái Biệt Ly Khổ. Kế đó, đức Phật nói tới Oán Tắng Hội Khổ, oan gia đối đầu chẳng muốn gặp gỡ, mà cứ thường chạm mặt! Loại thứ ba là Cầu Bất Đắc Khổ. Loại cuối cùng trong tám khổ là Ngũ Âm Xí Thịnh Khổ. Ngũ Âm Xí Thịnh là gì? Là áp lực (stress) như người hiện thời đã nói; lo lắng, vướng mắc, bận lòng, mệt trí đều thuộc về loại này. Cuộc sống tinh thần và thân thể của quý vị rất khổ cực. Ai có thể lìa khỏi tám thứ ấy? Đức Phật nói chư thiên Dục Giới có đủ tám nỗi khổ ấy. Chư thiên Sắc Giới đã lìa dục, nhưng trọn chẳng đoạn. Họ buông xuống, tạm thời buông xuống, tám nỗi khổ ấy bèn chẳng còn nữa. Con người sanh lên trời chẳng phải là thai sanh, nên họ chẳng có Sanh Khổ. Từ trời Đao Lợi trở lên đều là hóa sanh. Nếu quý vị tu định, đắc Thiên Định, tu đã thành công, bèn sanh trong Sắc Giới Thiên. Sắc Giới Thiên chẳng có những nỗi khổ ấy, nhưng còn có thọ mạng. Khi thọ mạng đã hết, sự khổ ấy bèn hiện tiền, năm tướng suy hiện tiền. Khi đó, thời gian năm tướng suy hiện tiền chẳng dài, trong kinh thường nói là bảy ngày, nhưng trong bảy ngày ấy, khổ chẳng thể nói nổi. Hoại Khổ đấy! Thân sắp hư hoại, chết rồi thì thân phải hư hoại. Cung điện vị ấy cư trụ cũng bị hư hoại, vị ấy chính mắt thấy. Vô Sắc Giới Thiên là phạm phu cao cấp trong lục đạo, họ chẳng cần thân thể, giống như Lão Tử của Trung Quốc đã nói: “Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân”, [tức là] Ngài nói Ta có mối lo nghĩ rất lớn, lo gì vậy? Ta có thân thể. Người thông minh chẳng cần đến thân thể; chẳng có thân thể thì đương nhiên cũng không cần chỗ cư trụ. Vì thế, chúng ta có thể nói Vô Sắc Giới Thiên là “*linh giới*” (cõi của linh hồn), vì họ có tinh thần, nhưng chẳng có vật chất. Họ có khổ hay không? Có, khổ gì vậy? Hành Khổ. Cảnh giới của họ tốt đẹp, nhưng chẳng thể giữ được vĩnh viễn, hoàn toàn cậy vào Định lực của họ. Định lực của họ mất đi thì cảnh giới ấy chẳng còn nữa. Đó là Hành Khổ. Mỗi sát-na [trôi qua] là họ càng gần với điểm kết thúc, nhưng họ chẳng thể ngăn chặn, đó là Hành, tức là họ chẳng thể giữ vĩnh viễn cảnh giới thù thắng như vậy. Do đó, đức Phật nói “*ba cõi đều khổ*”. Quý vị thấy Dục Giới có tám khổ, Sắc Giới có Hoại Khổ, Vô Sắc Giới có Hành Khổ; đức Phật thường nói là “*ba cõi đều khổ*”.

Qua Tứ Đế, đức Phật đã nêu bày chân tướng sự thật ấy, mọi người hiểu rõ, suy nghĩ sẽ thấy đúng là khổ! Nỗi khổ ấy do đâu mà có? Khổ do Tập mà có. Tập là gì? Gom góp hết thảy các nhân thiện và bất thiện. Gom góp thiện nhân, sanh trong ba đường lành. Nói Tam Khổ và Bát Khổ đều là nói về tam thiện đạo. Nếu gom góp những cái nhân bất thiện, thì vì tự tư tự lợi, làm những chuyện hòng đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, làm những thứ ấy, đời sau quý vị sẽ vào trong ba ác đạo, biến thành súc

sanh, biến thành nạ quỷ, biến thành địa ngục, càng là khổ chẳng thể nói nổi! Giảng rõ ràng nhân và quả của lục đạo, chúng ta liền biết. Người thật sự thông minh, giác ngộ, sẽ nghĩ: “Ta chẳng muốn trụ trong lục đạo, có cách nào vượt thoát lục đạo hay không?” Đức Phật bảo người ấy: “Có”. Vượt thoát lục đạo thì dùng phương pháp gì? Quả là gì? Quả là Diệt, Diệt chính là Niết Bàn. Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Diệt, diệt gì? Diệt khổ, diệt phiền não tức là diệt khổ. Phiền não là nhân, Tam Khổ và Bát Khổ là quả; nhân đã diệt, quả đương nhiên chẳng còn. Phải dùng phương pháp gì để diệt những cái nhân ấy? Tu Đạo. Vì thế, Diệt là quả thuộc về pháp xuất thế. Đạo là cái nhân của pháp xuất thế. Quý vị thấy đó: [Tứ Đế là] nhân và quả của pháp thế gian và xuất thế gian. Đức Phật giảng những đạo lý và phương pháp này cho người sơ học. Đó là Tứ Đế.

Thuở ấy, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, thuyết pháp cho mọi người, chủ yếu giảng pháp này, giảng bao nhiêu năm? Mười hai năm, dạy người ta phải đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Hoặc (惑) là ngu si, do ngu si mới làm chuyện sai trái. Kiến (見) là sai lầm về mặt kiến giải, Tư (思) là sai lầm về tư tưởng. Nói cách khác, quý vị suốt ngày từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm, những gì quý vị thấy đều là sai lầm, những gì quý vị nghĩ đều là sai lầm. Kiến giải và tư tưởng sai lầm nên tạo tội nghiệp, quả báo là trong tam đồ. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, Kiến Hoặc là cách nhìn của quý vị sai lầm. Đức Phật quy nạp vô lượng vô biên sai lầm [thành hai loại lớn] là kiến giải sai lầm và tư tưởng sai lầm, quy nạp [Kiến Hoặc] thành năm loại lớn cho dễ dạy. Sai lầm thứ nhất, chúng ta nói đến kiến giải, quý vị đã thấy sai. Sai lầm thứ nhất là quý vị lầm tưởng cái thân là chính mình. Điều này gọi là Thân Kiến, coi cái thân là chính mình, sai mất rồi! Thân chẳng phải là chính mình. Thân này chẳng phải là ta, ta chẳng phải là thân. Thân là gì? Trước chữ Thân, bèn thêm vào một thứ nữa, “thân của ta”, [hiểu như vậy] là đúng. Nó chẳng phải là ta. Giống như chúng ta mặc quần áo, quần áo của ta, đó là đúng, quần áo chẳng phải là ta. Quý vị thấy lục đạo chúng sanh mê muội sâu đậm, có ai chẳng coi thân là chính mình? Điều vì thân này mà tạo nghiệp, sau này chịu khổ báo vô cùng, sai mất rồi! Nếu quý vị biết thân chẳng phải là ta, quý vị thấy đó, đầu tiên là buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, phiền não của quý vị bèn ít đi quá nửa! Con người đều vì cái thân này mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, tạo giết, trộm, dâm, dối, chẳng phải đều là vì thân này ư? Thân chẳng phải là chính mình, quý vị thấy có oan uổng hay không? Đạo lý này rất sâu, chẳng phải là mấy câu đơn giản bèn có thể nói rõ ràng. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho mọi người suốt mười hai năm, có thể thấy những thứ này sâu xa, phải nghiêm túc khéo học. Đó là kiến giải sai lầm đầu tiên.

Thứ hai là Biên Kiến, Biên (邊) là nhị biên (hai bên). Các nhà khoa học hiện thời nói đến “tương đối”, tương đối là Biên Kiến. Tất cả hết thảy các pháp đều là đối lập. Đối lập với lớn là nhỏ, đối lập với dài là ngắn, đối lập với chánh là tà. Quý vị thấy đều

là tương đối. Đối lập với ta là người khác, toàn là tương đối. Quan niệm ấy là sai lầm, vì sao? Chẳng biết khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, nên tự nhiên nảy sanh đối lập. Chúng ta nói đơn giản là “đối lập với người, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật”. Đối lập chẳng phải là chuyện nhỏ, mà là chuyện to tát, tất cả hết thảy các hành vi sai lầm đều phát sanh từ chỗ này. Thế giới hiện thời có quá nhiều xung đột, xung đột do đâu mà có? Do mâu thuẫn mà có, do lợi hại mà có. Mâu thuẫn và lợi hại do đâu mà có? Do đối lập mà có. Quý vị đi tìm cội nguồn, sẽ thấy là đối lập. Nếu chẳng có đối lập, sẽ chẳng có mâu thuẫn, chẳng có lợi hại, nên chẳng có xung đột. Xung đột ở một mức độ cao hơn sẽ là đấu tranh, mức cao hơn nữa của đấu tranh là chiến tranh. Vì thế, đối lập là cội nguồn của hết thảy nhân họa (tai họa do con người gây ra), đức Phật dạy phải lìa khỏi nó. Đức Phật lại nói: Thành kiến là sai lầm. Thành kiến là gì? Tự cho mình là đúng, ta đúng, kẻ khác sai quấy, đó là thành kiến. Thành kiến được chia ra: Thành kiến đối với nhân và thành kiến đối với quả, chia thành hai loại. Thành kiến đối với nhân gọi là Giới Thủ Kiến, thành kiến đối với quả là Kiến Thủ Kiến; những điều này biến thành hành vi, tạo tác hết thảy thiện và bất thiện. Loại cuối cùng là Tà Kiến, tức là tất cả những cách nhìn sai lầm ở ngoài bốn loại trên đây đều gộp vào trong Tà Kiến.

Nếu quý vị buông xuống, đoạn trừ năm thứ kiến giải sai lầm này, bèn chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Tiểu Thừa có bốn quả, quý vị đã đạt được quả thứ nhất. Quý vị đạt tới Tu Đà Hoàn, trí huệ và năng lực của quý vị được khôi phục đôi chút. Trong Phật pháp nói là chút ít, nhưng khi người thế gian chúng ta thấy [sự khôi phục ấy, bèn ca ngợi] quý vị rất phi phàm! Trong sáu thứ thần thông, quý vị đắc Thiên Nhân và Thiên Nhĩ, thì cũng là nói: Người khác nhìn không thấy những gì quý vị có thể thấy. Quý vị có thể thấy quỷ thần, có thể thấy thiên thần. Đó là tiểu thông, năng lực hoàn toàn chẳng to, nhưng mạnh mẽ hơn người bình thường rất nhiều, tường vách chẳng thể chướng ngại. Những người ở phòng sát vách đang làm gì, quý vị bèn thấy thấu suốt, đều trông thấy. Chúng ta nhìn xuống mỗi tầng dưới trong tòa cao ốc này, họ đang làm gì, quý vị cũng thấy rất rõ ràng. Quý vị chỉ cần buông xuống năm thứ Kiến Hoặc, năng lực ấy bèn khôi phục.

Tư Hoặc là cách nghĩ sai lầm, những thứ gì bị nghĩ lầm? Tham là suy nghĩ sai lầm, sân khuê cũng sai lầm, ngu si cũng sai lầm, ngạo mạn cũng sai lầm, hoài nghi cũng sai lầm. Vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có những thứ ấy. Những thứ ấy là bệnh căn của hết thảy các điều bất thiện. Do vậy, trong Phật pháp, chúng còn được gọi là Tam Độc. Tham, sân, si là Tam Độc. Kể thêm Mạn và Nghi, bèn thành Ngũ Độc. Những thứ độc ấy là bệnh độc (virus), đúng là virus, con người ngã bệnh, vì sao ngã bệnh? Vì trong tâm quý vị có năm thứ bệnh độc ấy, bên ngoài còn phải có cái nhân gây ra bệnh. Đó là cảm ứng, quý vị bèn ngã bệnh. Nếu bên trong đã dứt trừ năm thứ bệnh độc ấy, hết thảy các thứ cảm nhiễm bên ngoài sẽ chẳng thể cảm nhiễm! Y học bảo là “quý vị có năng lực miễn dịch cao, nên chẳng bị lây bệnh”. Năm thứ ấy được gọi là Tư Phiền Não, tức

là quý vị đã nghĩ sai rồi. Chớ nên có ý niệm tham, chớ nên có niệm sân khuê, chớ nên ngu si, chớ nên ngạo mạn, chớ nên hoài nghi, tâm của quý vị bèn khôi phục rất bình thường. Tâm bình thường là gì? Tâm thanh tịnh. Chúng ta thấy tựa đề kinh này có chữ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, quý vị đã đạt được điều thứ nhất. Tâm thanh tịnh hiện tiền là quả báo Tiểu Thừa. Quý vị đã thành tựu Tiểu Thừa, còn bình đẳng là [điều chứng đắc] của Bồ Tát học Đại Thừa. Vì thế, quý vị thấy: Kiến Tư phiền não đã đoạn thì tham, sân, si, mạn, nghi chẳng còn nữa. Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến chẳng còn, quý vị bèn vượt thoát lục đạo luân hồi, đắc thanh tịnh tâm. Thanh tịnh tâm là chân tâm.

“*Xuất Phần Đoạn Sanh Tử*”: Phần Đoạn là lục đạo. Lục đạo là từng giai đoạn một. Lần này chúng ta được làm thân người, trụ trong thân người chừng ấy năm, từ sống đến chết là một giai đoạn, đó là Phần Đoạn Sanh Tử. Thật ra, nói lời thật với quý vị: Chẳng có sanh tử! Sanh tử là gì? Thân thể sanh tử. Vì sao bảo quý vị “chẳng có sanh tử?” Linh hồn của quý vị bất tử! Hiện thời, trong những năm gần đây, tức là trong ba mươi năm gần đây nhất, thôi miên hết sức phổ biến trong thế giới phương Tây. Các bác sĩ tâm lý đã tiến hành thôi miên, chứng minh linh hồn con người bất tử. Họ cũng chứng tỏ người sau khi chết sẽ đầu thai. Từ thôi miên, có thể liễu giải con người đã qua lại thế gian này rất nhiều đời, xác thực là có lúc trong đời quá khứ làm người, lần này lại đến nhân gian. Còn có trường hợp đời quá khứ làm súc sanh, đời này sanh vào nhân gian. Họ còn phát hiện đời trước sống trên một tinh cầu khác, đời này đến địa cầu. Chúng ta xem những báo cáo nghiên cứu của các nhà thôi miên, từ các báo cáo của họ, quý vị bèn khẳng định luân hồi là thật, chẳng giả. Do vậy, chứng minh con người chẳng chết.

Kẻ bình phàm nói đến “linh hồn”, nhưng Phật giáo chẳng gọi nó “*linh hồn*”, mà gọi nó là “*thần thức*”. Vì nó có thể biến, những tướng được hiện là cái được biến (sở biến), nó chẳng chết. Gọi là “linh hồn”, nhưng thật ra nó chẳng linh, nó bị mê, phải gọi là “*mê hồn*” thì mới đúng, chẳng thể gọi nó là linh hồn, nó chẳng linh! Nếu nó linh, nó có thể chọn lựa nơi rất tốt đẹp để đi đầu thai. Vì sao đến đầu thai trong nhà người bần cùng, nghèo khổ? Nó chẳng linh! Vì sao đến đầu thai trong loài súc sanh, lại còn đến đầu thai trong loài ngựa quý hay trong địa ngục? Có thể thấy nó chẳng linh, mà đúng là mê hoặc, điên đảo. Đã giác ngộ, bèn gọi là “linh tánh”; khi nào người ấy giác ngộ? Khi người ấy thành Thanh Văn hay Bích Chi Phật bèn giác ngộ. Thanh Văn là A La Hán, người ấy chứng đắc A La Hán quả, vượt thoát lục đạo, vĩnh viễn chẳng còn trở vào lục đạo. Nếu người ấy vào trong lục đạo, người ấy rất sáng suốt, chẳng mê. Người ấy đến làm gì? Đến độ chúng sanh, chẳng phải là đến để chịu báo, vì cái nhân của lục đạo đã đoạn mất, cái nhân ấy là Kiến Tư phiền não; người ấy đã đoạn hết Kiến Tư phiền não, nên chẳng có cái nhân của lục đạo. [Hàng Bồ Tát] vào trong lục đạo để độ chúng sanh. Do lẽ đó, “*xuất Phần Đoạn Sanh Tử*” là [thoát khỏi] sự sanh tử trong lục đạo.

“*Nhi nhập u Niết Bàn giả*” (mà nhập Niết Bàn), Niết Bàn là dịch âm một danh từ trong tiếng Phạn của Ấn Độ, có nghĩa là “*bất sanh, bất diệt*”. Sanh tử trong lục đạo chẳng còn nữa, bất sanh, bất diệt. Người ấy đã chứng đắc bất sanh, bất diệt, nhưng chẳng rốt ráo, chưa viên mãn, [đó là] Tiểu Thừa Niết Bàn. Đức Phật chứng đắc Đại Bát Niết Bàn (Mahāparinirvāṇa), đây mới là rốt ráo. Niết Bàn là lia khô, được vui thật sự. Tịnh Ảnh Sớ chép: “*Như Lai sở thuyết ngôn giáo danh Thanh. Xan thanh ngộ giải, cố viết Thanh Văn*” (ngôn giáo do đức Như Lai đã nói được gọi là Thanh. Do nếm pháp vị của Thanh mà ngộ giải, nên gọi là Thanh Văn). Đây là trích dẫn cách giảng trong Tịnh Ảnh Sớ, ý nghĩa đại khái giống nhau, đều là nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, bèn khai ngộ. “*Xan thanh ngộ giải*”: Xan (餐) là ăn cơm, tức là nói đến pháp vị. [Xan Thanh] là nếm trải pháp vị. Đây là tỷ dụ, nghe Thanh, tức là nghe thanh giáo (giáo huấn bằng âm thanh) và ngôn luận của Thích Ca Mâu Ni Phật bèn khai ngộ. Khai ngộ là buông Kiến Tư phiền não xuống. Nếu khai ngộ mà chẳng buông xuống, vô dụng, đó là giải ngộ, không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Khi khai ngộ, thật sự buông Kiến Tư phiền não xuống, chẳng thấy lục đạo nữa. Lục đạo là giả, chẳng thật, giống như giấc mộng, đã tỉnh giấc bèn gọi là Thanh Văn.

Bích Chi Phật là gì? Bích Chi (Pratyeka) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, có nghĩa là Nhân Duyên. Nhân duyên ấy gồm mười hai mỗi nhân duyên, “*Phật*” dịch là Giác. “*Cổ cựu dịch Bích Chi Phật vi Duyên Giác*” (nên dịch theo lối cổ thì là Duyên Giác). Ngài giác ngộ nhờ nhân duyên, chứ không nhất định cậy vào Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp. Nói thông thường, ngộ tánh của Ngài rất cao, chúng ta thường nói là những “đứa bé thiên tài”. Chẳng nhất định gặp nhân duyên nào, Ngài khai ngộ, hiểu mình bạch ngay lập tức, hoặc là Ngài thấy, nghe, tiếp xúc [các nhân duyên bèn khai ngộ]. Những vị ấy suốt một đời này, tuy chẳng nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, nhưng khẳng định là trong đời quá khứ đã từng nghe, có thiện căn, nên gặp duyên bèn có thể khai ngộ. Nếu vị ấy không có thiện căn, duyên dẫu nhiều đến mấy, vẫn chẳng thể khai ngộ! “*Tân dịch vi Độc Giác*” (dịch theo lối mới là Độc Giác), Độc Giác càng thông minh hơn nữa. Theo sách Đại Thừa Nghĩa Chương đã giảng, Duyên Giác có hai cách giải thích. Loại thứ nhất là “*quán Thập Nhị Nhân Duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, từng duyên đắc giác, cố danh Duyên Giác*” (quán mười hai nhân duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, do duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên Giác). Mười hai nhân duyên, đầu tiên là Vô Minh (Avidyā). Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức. Vô Minh ở đây chẳng phải là Căn Bản Vô Minh, mà là Chi Mạt Vô Minh, cũng có nghĩa là những vô minh đã được nói trong lục đạo đều rất thô, hoàn toàn chẳng giống Căn Bản Vô Minh, phá được Căn Bản Vô Minh bèn thành Phật. Trong lục đạo, loại vô minh này (Chi Mạt Vô Minh) biến hiện lục đạo. Khi phá được loại vô minh này, lục đạo chẳng còn nữa. Do vô minh, quý vị mới tạo nghiệp. “*Hành*” (Saṅkhāra) là tạo nghiệp trong đời quá khứ. Mười hai nhân duyên nói về nhân quả ba đời, Vô Minh và Hành là nhân quả đời quá khứ. Có nhân trong đời quá khứ, nên quý vị mới đến đầu thai. “*Thức*”

(Vijñāna) là thần thức, chúng ta thường gọi nó là “linh hồn”. Linh hồn đến đầu thai, tìm cha mẹ, cha mẹ và kẻ ấy có duyên. Trong phần trước đã nói, có ân, có oán, có nợ nần, có những mối quan hệ ấy, nên kẻ đó bèn đến. Chẳng có những mối quan hệ ấy, kẻ đó sẽ chẳng tìm quý vị. Vì thế, con cái là duyên. Tôi nhớ năm 1977, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh tại giảng đường của lão hòa thượng Thọ Dã tại đường Lam Đường (Blue Pool Road) ở Hương Cảng, tức là Quang Minh Giảng Đường. Lão hòa thượng Thọ Dã học Hoa Nghiêm, tôi giảng tại chỗ Ngài hai tháng, giảng Lăng Nghiêm. Trong giảng đường, có một cặp câu đối do chính lão pháp sư viết. Vế trên là “*phu thê thị duyên, hữu thiện duyên, hữu ác duyên, oan oan tương báo*” (vợ chồng là duyên, có thiện duyên, có ác duyên, oan oan tương báo), nói về [mối quan hệ] vợ chồng. Vế dưới là “*nhị nữ thị trái, hữu thảo trái, hữu hoàn trái, vô trái bắt lai*” (con cái là nợ, có đòi nợ, có trả nợ, không nợ chẳng đến). Câu đối ấy rất đáng cảnh tỉnh. Tôi ở nơi ấy hai tháng, mỗi ngày đều thấy, nên có thể nhớ kỹ đôi câu đối ấy. Lúc đó, lão pháp sư đã di dân sang Mỹ; khoảng mấy năm sau, tôi cũng di dân đến Mỹ, gặp Ngài tại Nữ Ước, lão pháp sư và tôi rất có duyên phận. Do vậy, trong thế gian này, phải thấy thấu suốt sự việc, phải tham thấu thì quý vị mới có thể thật sự hạ quyết tâm chẳng muốn luân hồi nữa, chẳng làm chuyện ngốc nghếch ấy!

Quý vị thấy Thức, Thức (Vijñāna) là thần thức, [gọi thông tục là] linh hồn đi đầu thai. Đầu thai trong thai mẹ bèn gọi là Danh Sắc, có hình dạng một người chưa phát triển đầy đủ, thường nói là [thai mới tượng hình] hai ba tuần, tức là cán thai hai ba tuần, chưa có hình dạng con người, nên gọi là Danh Sắc (Nāmarūpa). Danh là gì? Danh là tinh thần, nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là nó có nhục thể, nhưng chưa có hình dạng con người hoàn bị. Dần dà, khoảng chừng năm sáu tháng, bèn có hình dạng con người, có đầu, có mắt, quý vị có thể nhìn thấy; khi ấy, chẳng gọi là Danh Sắc nữa, mà gọi là Lục Nhập (Ṣaḍāyatana). Nó giống như con người, nhưng vẫn ở trong tử cung của mẹ, chúng ta thường nói là “*trụ thai*”. Mười tháng, thời gian trụ thai đã mãn, bèn ra khỏi thai, được sanh ra. Sanh ra là gì? Sanh ra chẳng gọi là “*xuất sanh*”, mà gọi là Xúc (Sparsā), vì thân thể của nó tiếp xúc với ngoại giới, có cảm nhận, [đó là] Thọ (Vedanā), nó có Ái (Trṣṇā), có Thủ (Upādāna), có Hữu (Bhava). Nói cách khác, những tập khí phiền não của nó khởi lên hiện hành. Ái, Thủ, Hữu là suốt cả một đời, từ lúc quý vị lọt lòng cho đến khi già chết, suốt một đời [luôn là Ái, Thủ, Hữu]. Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, điều gì hợp với ý mình, quý vị bèn tham ái. Từ tham ái, quý vị mong đạt được; đạt được là Thủ. Ta muốn không chế nó, muốn chiếm hữu nó, đó là hành vi. Có hành vi ấy thì là Hữu. Hữu là gì? Có nghiệp, trong A Lại Da Thức bèn kết nghiệp. Nghiệp có thiện nghiệp và ác nghiệp, nghiệp lực dẫn dắt quý vị thọ báo trong đời sau. Vì thế, đời sau lại có sanh, lại có lão tử, vĩnh viễn tuần hoàn.

Mười hai điều này trong luân hồi, được gọi là Thập Nhị Luân (Dvādaśanidāna), đó là nhân duyên. Chỉ cần phá vỡ được một thứ trong mười hai món, toàn thể sẽ bị phá, đoạn hết; nhưng phải phá nơi nhân, chứ không thể phá nơi quả. Đối với nhân, quý vị

biết là hai điều trước, tức là Vô Minh và Hành thuộc về đời quá khứ, chúng ta chẳng có cách nào trở lại đời quá khứ để giải quyết vấn đề. Sanh, lão, tử là vị lai, nói đến ba đời, cũng chẳng có cách nào! Vị lai vẫn chưa xảy tới, chúng ta cũng chẳng thể giải quyết vấn đề trong vị lai, phải [giải quyết] ngay trong hiện tại. Giải quyết vấn đề ngay trong hiện tại thì nơi nhân chỉ có ba chữ. Do Xúc là quả báo, chẳng thể giải quyết nơi quả. Người giải quyết nơi quả là gì? Tự sát là giải quyết nơi quả; tự sát chẳng thể giải quyết vấn đề. Giải quyết nơi nhân bèn có ba thứ là Ái, Thủ, Hữu. Có thể đoạn được một trong ba điều ấy, bèn chứng quả Bích Chi Phật, chư vị phải biết điều này. Ái là mê hoặc, quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Thủ là quý vị tạo tác, nói theo hiện thời là quý vị muốn không chế, muốn chiếm hữu, quý vị đã tạo nghiệp! Không chế tạo nghiệp nhẹ, chiếm hữu tạo nghiệp nặng. Trong tạo nghiệp, lại có thiện, ác, có thiện nghiệp, có ác nghiệp, những điều này đều gọi là Hữu. Trong đời này, quý vị lại tạo nhân, đời sau phải chịu quả báo. Do đó, đời sau lại có sanh, lại có lão tử. Người thông minh tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, đổ công dốc sức đoạn trừ Ái. Trong một chữ Ái, bao gồm Tam Độc, tham, sân, si, vì sao? Ưa thích bèn yêu mến, chẳng ưa thích bèn hận, hận là sân. Cội rễ của tham dục và sân khuê là ngu si. Do đó, một chữ Ái bao gồm tham, sân, si. Thủ là hành động, Ái là ý niệm, còn chưa có hành động, bao gồm oán hận, sân khuê, nhưng chưa phát tác. Trong tâm có ý niệm ấy, nhưng chưa phát tác. Thủ là đã phát tác; hễ phát tác, nghiệp bèn thành tựu. Cổ nhân nói: “*Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân*”, “có” là nghiệp, quý vị có nghiệp. Quý vị đã tạo nghiệp, đời sau có quả báo, đời sau lại có sanh, đã sanh bèn có lão tử. Đó là mười hai chữ!

Đức Phật giảng mười hai nhân duyên, những người ấy thông minh hơn Thanh Văn, Thanh Văn phải giảng Tứ Đế thì mới có thể khai ngộ. Đức Phật giảng những điều này đơn giản hơn Tứ Đế, vừa nói, người ấy bèn hiểu rõ. Nếu đoạn trừ Ái, sẽ là người thông minh nhất, thật sự dốc sức từ Kiến Tư phiền não, sẽ đoạn sạch lậu lậu. Tập khí phiền não, nghiệp chướng sâu nặng, đoạn trừ Thủ. Tuy có ý niệm, nhưng chẳng tạo các nghiệp ấy; biết tạo nghiệp thì về sau phải chịu báo, nên chẳng Thủ, chẳng có hành động. Có ý niệm, nhưng không có hành động thì cũng được, cũng có thể vượt thoát. Loại thứ ba rất cao, quý vị thấy nhé, người ấy có Ái, có Thủ, nhưng sau đó là gì? Người ấy chẳng có Hữu, lợi hại lắm! Đó là gì? Tâm địa người ấy thanh tịnh, chẳng lưu lại dấu vết, kẻ bình phàm chẳng thể làm được chuyện này; do đó, đây là một người tu hành chân chánh. Người tu hành chân chánh vì sao còn có Ái và Thủ? Ái và Thủ là phương tiện thiện xảo. Đại đa số chẳng có Hữu, đó là gì? Là Bồ Tát đến thế gian này, nên dùng thân Thanh Văn để đắc độ, liền hiện thân Thanh Văn để độ thoát. Nên dùng thân Duyên Giác để độ người khác, liền hiện thân Duyên Giác để độ. Đó là bậc Bồ Tát tái lai, kẻ bình phàm chẳng thể nào làm được! Trong tiểu thuyết, chư vị thấy Tề Công có Ái, có Thủ, nhưng chẳng có Hữu. Lợi hại lắm, chẳng phải là chuyện kẻ bình phàm hòng làm được. Ngài cười hì hì, hà hà với mọi người, cũng ăn, uống, vui chơi, nhưng người khác tạo tội nghiệp, Ngài chẳng tạo tội nghiệp, lợi hại lắm! Vì sao? Tâm địa Ngài thanh tịnh, chẳng

niêm mây trần. Ngài cùng mọi người chơi đùa, nhưng Ngài chẳng động niệm. Trong ý Ngài, chẳng có phân biệt, chấp trước, người như vậy thì mới được!

Tế Công là nhân vật có thật, thật sự có chuyện ấy, chẳng giả. Ngài sống vào thời Tống, sanh nhằm đời Nam Tống, cùng thời với Nhạc Phi, họ đều là người thời ấy. Bồ Đại hòa thượng cũng là người thời ấy. Nhưng vào thời đầu Dân Quốc, lại xuất hiện một vị dường như chẳng khác gì Tế Công, được gọi là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn). Vị này có thật, chẳng giả. Ngài cũng là người xuất gia, lười thôi, lếch thếch, ở lẫn lộn với người tại gia, cũng là có ăn, có uống, có cười cợt, có nói năng ồn ào, nhưng chẳng nhiễm mây trần. Thuở trẻ, tôi giảng kinh tại Đài Bắc. Lão pháp sư Lạc Quan là người thuộc thế hệ trưởng bối của chúng tôi, nay Ngài đã mất, bảo tôi Sư đã từng gặp gỡ Kim Sơn Hoạt Phật. Kim Sơn Hoạt Phật có pháp danh là Diệu Thiện. Pháp sư Diệu Thiện ở cùng một chỗ với Sư suốt bốn tháng, nên Sư biết Ngài rất rõ. Sư nói [pháp sư Diệu Thiện] quả thật giống như Tế Công, lười thôi, ăn vận kỳ quặc, thật sự đi một đôi hài cỏ đã rách, khoác một cái áo dài, bên trong mặc một cái quần ngắn, quanh năm suốt tháng mặc bộ quần áo ấy, tới tiết Đông cũng chẳng lạnh, trời Hè cũng chẳng nóng, rất lợi hại! Suốt đời Ngài chẳng tắm rửa, nhưng trên người có hương thơm hoa sen. Cả đời không tắm rửa, cũng chẳng giặt quần áo, nên cổ áo đóng đầy những thứ đen xì, dơ bẩn, nhưng quý vị ngửi thì vẫn có mùi thơm. Lại còn khi ngửi, có rất nhiều người bị bệnh vừa ngửi liền lành bệnh, [ngửi mùi] có thể trị bệnh!

Đúng là Ngài có thần thông. Lão hòa thượng Lạc Quan bảo tôi: “*Nếu ngài Diệu Thiện chẳng phải là A La Hán thì tối thiểu cũng là A Na Hàm*”. Vì Lậu Tận Thông [phàm nhân sẽ] chẳng nhìn ra. Ngài có thể phân thân, cùng một lúc thấy Ngài đến chỗ này, mà ở chỗ khác, Ngài cũng tụ hội với những người ở đó, Ngài có thể phân thân! Về sau, người ta thấy: “Ngày nọ, thầy ở chỗ tôi”. “Đâu có! Thầy ở chỗ tôi mà!”, cho nên biết Ngài có thể phân thân. Quý vị hỏi Ngài có phân thân hay không? Ngài cười khúc khích, chẳng trả lời. Vì thế, những sự tích thần kỳ về Ngài rất nhiều. Pháp sư Lạc Quan đã viết một quyển sách về Ngài, có tựa đề là Kim Sơn Hoạt Phật Thần Dị Lục. Tại Đài Loan, còn có một vị pháp sư là pháp sư Chử Vân cũng viết một quyển sách ghi các chuyện kỳ lạ của Ngài, nhưng pháp sư Chử Vân chưa hề gặp Ngài! Sư đến khắp nơi hỏi dò, thỉnh giáo những vị lão hòa thượng biết những chuyện ấy, kể lại chuyện xưa, Sư ghi chép lại thành cuốn Kim Sơn Hoạt Phật Truyền Kỳ. Như vậy thì quán mười hai nhân duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, từ duyên mà khai ngộ, nên gọi là Duyên Giác.

Loại thứ hai, “*nhân kiến phong động thụ đả đả ngoại giới sự tương chi duyên, nhi đắc giác ngộ, viết Duyên Giác*” (do thấy những sự tương bên ngoài như gió lay động cây v.v... làm duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên Giác). Đó là gì? Ra đời nhằm lúc chẳng có Phật pháp tồn tại trong thế gian. Do vị ấy thiện căn sâu dày, chẳng nhất định do nhân duyên nào, thấy gió thổi lá rụng, mưa rơi trên tàu chuối, bèn khai ngộ. Chẳng nhất định là lúc nào, chẳng nhất định là nơi chốn nào, duyên của vị ấy đã đến.

Vì thế, chúng tôi tin tưởng, vị ấy gặp những sự biến hóa trong đại tự nhiên giới đều là do Phật, Bồ Tát gia trì, duyên của vị ấy đã chín muồi. Phật, Bồ Tát biết nên dùng phương pháp gì để giúp vị ấy giác ngộ. Vì vậy, Phật, Bồ Tát không nhất định hiện thân người, mà có thể hiện thân mưa, gió, có thể hiện ra những hiện tượng tự nhiên, khiến cho vị ấy vừa nhìn bèn hoát nhiên khai ngộ. Đó là Duyên Giác.

Tiếp đó, [sách Chú Giải] nói: “*Thiên Thai nhất gia cánh khu phân thử nhị danh viết*” (tông Thiên Thai lại còn phân biệt địa vị ấy thành hai danh xưng). Đây là do Thiên Thai đại sư nói. Thông thường, trong Phật pháp, quá nửa là sử dụng [các giáo thuyết] của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai nói [Bích Chi Phật] là Duyên Giác và Độc Giác. “*Xuất hữu Phật thế, quán thập nhị nhân duyên, đắc ngộ giả, vị Duyên Giác*” (người xuất sanh nhằm lúc cõi đời có Phật, quán mười hai nhân duyên, đắc ngộ, thì là Duyên Giác). Nghe đức Phật giảng mười hai nhân duyên, khai ngộ. [Tông Thiên Thai] chẳng nói là “*nghe*”, mà nói là Quán. Quán là gì? Sử dụng trí huệ, còn Nghe là dùng Nhĩ Thức. Kẻ bình phàm dùng Nghe, những gì quý vị nghe được là tri thức. Dùng Quán thì những gì quý vị ngộ là trí huệ, khác hẳn. Vì thế, Quán có tác dụng mạnh mẽ hơn Nghe. Nghe là dùng Nhĩ Thức, Quán là dùng tánh Nghe, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát “*phản văn, văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (xoay trở lại nghe nơi tự tánh, tánh trở thành đạo vô thượng). Ngài chẳng sử dụng Nhĩ Thức, mà dùng tánh Nghe. Tánh Nghe nghe Thanh Tánh bèn khai ngộ, có ý nghĩa khác hẳn! Nay chúng tôi nói là tri thức và trí huệ thì mọi người sẽ dễ hiểu. Dùng Nhĩ Thức thì những gì quý vị nghe được là tri thức (kiến thức); nếu dùng tánh Nghe, quý vị nghe được trí huệ, hoàn toàn là chuyện khác nhau! Ở đây, dùng tánh Nghe để nghe mười hai nhân duyên, vị ấy khai ngộ, được gọi là Duyên Giác, [xuất thế] nhằm lúc cõi đời có Phật. “*Xuất vô Phật thế*” (ra đời nhằm lúc chẳng có Phật), lúc vị ấy xuất sanh, trong thế gian này chẳng có Phật pháp, chẳng có Tam Bảo. Trong hoàn cảnh ấy, vị ấy “*quán phong xuy thụ động, diệp lạc, hoa phi chi ngoại duyên*” (quán duyên bên ngoài như gió thổi cây rung động, lá rụng, hoa bay), trông thấy những hiện tượng tự nhiên ấy, vị ấy khai ngộ. Hoặc thấy tia chớp, hoặc nghe tiếng sấm cũng khai ngộ, loại người ấy được gọi là Độc Giác. Vì thế, có thể biết Độc Giác là người vô cùng thông minh, thiện căn sâu dày. Chúng ta cũng có thể hiểu và tin tưởng người ấy trong đời quá khứ đều là đời đời kiếp kiếp tu hành trong Phật môn, do thiện căn sâu dày, nên gặp những duyên ấy mới có thể xúc động.

Chúng ta lại xem phân kinh văn tiếp theo: “*Thượng chi Thanh Văn, Bích Chi Phật, Nhị Thừa, quân vi Phật đệ tử trung chi hạ căn*” (Hàng Nhị Thừa Thanh Văn và Bích Chi Phật trên đây đều là kẻ hạ căn trong các đệ tử của đức Phật), thượng căn là Bồ Tát, hạ căn là Thanh Văn và Duyên Giác. “*Kim chư đại sĩ*”, [nghĩa là] nay kinh này toàn nói đến các vị đại sĩ, những vị Bồ Tát ấy “*viễn siêu ư thử*”, [nghĩa là] vượt trội bọn họ (hàng Nhị Thừa) quá nhiều. “*Như Chân Giải viết: Nhị Thừa tuy đắc tam Không môn*” (Như sách Chân Giải nói: “Nhị Thừa tuy đắc ba Không môn”), trong phần sau sẽ nói về ba Không môn là Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, họ cũng đạt được [ba môn ấy]. Tuy

đạt được, “*duy trầm Thiên Không*” (chỉ chìm đắm nơi Thiên Không), đọa trong Thiên Chân Niết Bàn, đã lệch về Không. Do đó, chẳng thể thọ dụng, chẳng thể đắc đại tự tại, chỉ có thể chứng tiểu quả. Trong ba học vị, họ chỉ đạt được học vị thứ nhất. A La Hán và Bích Chi Phật là học vị thứ nhất, đều gọi là Tiểu Thừa. Bồ Tát là học vị thứ hai, Phật Đà là học vị thứ ba, là học vị cao nhất. Thanh Văn và Duyên Giác giống như học vị Học Sĩ (Cử Nhân) trong nhà trường hiện thời; Bồ Tát là Thạc Sĩ (Cao Học), Phật Đà là Tiến Sĩ. Tỷ dụ như vậy thì mọi người rất dễ hiểu!

“*Bồ Tát bất nhiên, năng đạt huyễn võng*” (Bồ Tát chẳng vậy, có thể thấu đạt lưới huyễn). Bồ Tát chẳng giống họ, cao minh hơn họ rất nhiều. Bồ Tát thông đạt y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chẳng thật. “*Huyễn võng*” (幻網) là tỷ dụ, huyễn là giả, mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng thật. Nhưng người Tiểu Thừa coi chúng là thật, thật sự tách rời chúng, chẳng dám tiến lên nữa, tiến lên thì sợ đọa lạc. Do vậy, họ trụ trong Chân Không, ngõ Không là thật. Bồ Tát thông đạt “*tướng là giả tướng, tướng chẳng có chướng ngại*”. “*Đắc bình đẳng pháp, cố tuy trụ tam Không môn, nhi bất trụ vô vi, bất trụ hữu vi*” (đắc pháp bình đẳng, nên tuy trụ trong ba Không môn, mà chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi), điều này cho thấy các Ngài cao minh hơn Nhị Thừa quá nhiều. Nhị Thừa thì như thế nào? Đã vượt khỏi pháp hữu vi, nhưng trụ trong pháp vô vi. Nhị Thừa trụ Không, vô vi là Không, hữu vi là Có. Có là Huyền Hữu, Không là Chân Không. Chân Không và Huyền Hữu là một, chẳng hai. Người Nhị Thừa chẳng biết điều này, chẳng đạt tới cảnh giới này. Bởi lẽ đó, như ngài Tế Công tuy hiện thân La Hán, nhưng trên thực tế, Ngài vượt xa hàng A La Hán, vì sao? Không lẫn Có đều chẳng trụ, đắc đại tự tại. A La Hán trụ Không, chẳng trụ Có, chẳng đến nhân gian. Những vị đến nhân gian đều do duyên phận đặc thù, đến giúp đỡ người khác.

Như trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sám có nói quốc sư Ngô Đạt có duyên phận đặc biệt với một vị A La Hán là tôn giả Ca Nặc Ca. Vị A La Hán ấy biết trong tương lai Sư sẽ gặp chuyện không may, sẽ gặp tai nạn lớn, Ngài sẽ giúp Sư hóa giải tai nạn ấy. Vì thế, Ngài biến hóa thành một gã ăn mày, lại còn là một gã ăn mày bệnh tật rất nặng, thân thể tươm mủ, hôi thối khôn sánh, người bình phàm đều chẳng muốn đến gần! Vị A La Hán ấy cố ý khiến cho quốc sư Ngô Đạt trông thấy. Lúc đó, ngài Ngô Đạt còn chưa là quốc sư, còn chưa nổi tiếng. Quốc sư Ngô Đạt là cao tăng mười đời. Sư xuất gia tu hành lần này là đời thứ mười, mỗi lần mất đi lại trở vào nhân gian, lại xuất gia, mười đời đều là xuất gia cao tăng, làm thầy của đế vương. Vì thế, người xuất gia lỗi lạc hơn mọi người đều chẳng phải do một đời tu thành, mà là mười đời! Khi Sư chưa nổi danh, gặp người ăn mày ấy, thấy người ấy rất đáng thương. Sư thật sự giúp đỡ, dùng đầu lưỡi liếm vết thương ứa mủ, hút chất độc ra, người bình thường chẳng thể làm được! Vị A La Hán ấy khảo nghiệm Sư, thấy Sư từ bi chân thật, chẳng giả, từ bi đến mức độ nào? Khá lắm! Ngài thấy rất vừa lòng, bèn bảo quốc sư Ngô Đạt: “Trong tương lai, nếu thầy gặp tai nạn to lớn, hãy đến tìm tôi”. Ngài nói: “Tôi ở Tứ Xuyên”, cho Sư biết địa

phương đó. “Thầy lên trên núi, thấy trên núi có hai cây tùng mọc cùng một chỗ, đến chỗ cây ấy gọi tên tôi, tôi sẽ xuất hiện”.

Chẳng biết trải qua bao nhiêu năm, Hoàng Thượng thật sự bái Sư làm thầy, phong làm Quốc Sư. Có một ngày, Hoàng Thượng tặng Sư một bảo tọa bằng trầm hương. Quý vị thấy đồng tu tặng tôi chuỗi hạt bằng trầm hương này, nghe nói mấy hạt này rất quý, tôi chẳng biết, trước nay tôi chưa hề dùng thứ trân quý này. Người ở Đài Loan tặng cho tôi, phải đến mười mấy vạn đồng Đài Loan mới có được một chuỗi hạt như vậy! Trầm Hương làm thành ghế Thái Sư³, rất nổi tiếng quý báu. Bảo tọa trầm hương ấy, hai người chẳng khiêng được! Hoàng Thượng tặng Sư bảo tọa ấy. Sư ngồi trên đó cảm thấy rất đặc ý, cảm thấy dường như chính mình tuyệt diệu lắm, người xuất gia nào trong thiên hạ cũng chẳng thể sánh bằng ta! Tâm niệm ngạo mạn vừa sanh khởi, thần hộ pháp lìa bỏ. Thần hộ pháp vừa rời khỏi, oán thân trái chủ tìm đến bên thân. Oán thân trái chủ rất lợi hại, [đời trước], Sư và kẻ ấy cùng làm quan đời Hán, là đồng sự của nhau. Quốc sư Ngô Đạt thuở ấy hại chết, hãm hại kẻ ấy, khiến cho Hoàng Thượng xử tử kẻ ấy. Kẻ ấy niệm niệm chẳng bỏ lòng oán hận, muốn báo thù; nhưng Sư đã xuất gia, tu hành rất nghiêm túc, có thần hộ pháp bảo vệ, quỷ hồn chẳng thể kề cận. Lần này, làm quốc sư, thần hộ pháp càng nhiều hơn. Vì nhận lãnh bảo tọa trầm hương ấy, dấy lên một niệm tâm ngạo mạn, thần hộ pháp bỏ đi, oan gia bèn tới dựa vào thân Sư, khiến cho trên đầu gối Sư mọc lên một mụn ghẻ hình mặt người, gần như sắp mất mạng. Vị này là thầy của Hoàng Thượng, những thầy thuốc giỏi nhất nước và ngự y điều trị liệu, nhưng chẳng có cách nào [chữa lành]. Sư đột nhiên nhớ tới thuở trước từng gặp một gã ăn mày. Nghĩ tới người ấy, Sư nói: “Nay ta gặp phải đại nạn này, hãy đi tìm thử xem!” Tới nơi đã được chỉ ở Tứ Xuyên, quả nhiên thấy hai cây tùng. Sư bèn gọi to ở đó. Vừa gọi, bèn thấy sau cây có chùa miếu, A La Hán Ca Nặc Ca tôn giả bèn xuất hiện. Vừa thấy Ngài xuất hiện, xa lìa đã lâu nay mới gặp gỡ: “Ta bảo ông tới, quả nhiên ông thật sự tới”. Ngài bèn giảng cho Sư biết nhân duyên nhiễm bệnh: “Mười đời trước, các ông là đồng

³ Ghế Thái Sư (Thái Sư Ý) là một loại ghế dựa xuất hiện từ thời Tống. Ghế Thái Sư hiện thời phổ biến nhất theo kiểu đời Thanh, lưng cao, thường chạm rồng. Ghế làm bằng gỗ quý (như tử đàn, hồng mộc, lê hoa v.v...), lưng ghế thường chạm trở thành hình hoa lá, có chỗ để dựa tay hai bên. Chỗ dựa tay cũng chạm rồng thành hình mây cuộn, hoa, lá, hoặc chữ Triện, chữ Thọ, chữ Phước v.v... Thái Sư Ý kiểu đời Thanh đòi hỏi lưng dựa và hai chỗ dựa tay phải tạc liền một khối. Ghế thường to và rộng, không lót đệm. Thoạt đầu, loại ghế này chỉ dùng trong cung đình, hoặc nha môn. Về sau, chỉ có những người có địa vị, quan chức trong xã hội mới được dùng. Hiện thời, ghế Thái Sư thường được trưng bày trong tư gia như một cách khoe giàu sang kín đáo (vì do làm bằng gỗ quý và tốn nhiều công chạm trở nên khá đắt tiền). Chi từ đời Thanh trở đi, mới bắt đầu có khuy nh hướng gắn một phiến đá quý (thường là đá Đại Lý chạm trở thành hình sơn thủy gắn vào giữa lưng ghế), nhưng kiểu ghế Thái Sư có gắn đá vẫn không được ưa chuộng cho lắm. Thậm chí có người chê kiểu ghế Thái Sư có lưng gắn đá là thô tục.

sự⁴, các ông là bạn bè. Do ông ghen ghét, chướng ngại bèn hại ông ta. Người ta niệm niệm chẳng quên”. Do vậy, dùng nước Từ Bi Tam Muội rửa ghẻ mặt người để hóa giải, điều đình, hóa giải. Đối phương đã nhận lời, mỗi oán kết ấy được hóa giải, ghẻ mặt người bèn khỏi hẳn! Quý vị ngắm xem, cao tăng mười đời, lỡ hại chết một người, mà kẻ đó chẳng bỏ mỗi oán cừu ấy, đợi cơ hội để báo thù, đáng sợ quá!

Pháp sám hối Từ Bi Thủy Sám vẫn còn lưu truyền. Hiện thời, trong Phật môn, lạy Thủy Sám rất nhiều. Lạy Thủy Sám thì nhất định phải nói rõ ràng, minh bạch chuyện này. Con người phải dùng cái tâm từ bi thật sự để đối đãi người khác, tiếp độ vật, chớ nên hại người. Sát sanh hại mạng, quý vị hại người ta, người ta hận quý vị. Quý vị hại súc sanh, quý vị giết nó, ăn nó, nó có cam tâm tình nguyện hay chẳng? Do vậy, nghĩ đến chỗ này, [sẽ cảm thấy] hết sức đáng sợ; quý vị còn dám ăn thịt chúng sanh hay không? Trong kinh, đức Phật có nói: “Quý vị ăn kẻ khác tám lạng, đời sau phải trả kẻ ấy nửa cân⁵”. Nợ mạng phải trả bằng mạng, thiếu nợ phải đền tiền. Nhân quả ba đời chẳng trốn được! Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, trong cuộc đời này, đãi người tiếp vật, tâm bèn bình lặng. Nếu chúng ta bị thua thiệt, người ta dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để tước đoạt tài vật của chúng ta, chúng ta cười, chắc là đời

⁴ Đời trước, quốc sư Ngô Đạt là Viên Áng (200-150 trước Công Nguyên), tự là Ty, là người nước Sở, rất tài giỏi, được người thời ấy xưng tụng là Vô Song Quốc Sĩ. Viên Áng làm quan dưới thời Hán Văn Đế, do can vua quá thẳng thừng, khiến vua nổi giận, đuổi ra làm Thứ Sử Lũng Châu. Sau đó, Viên Áng được phái làm Thừa Tướng cho Ngô Vương (Luu Ty) rất được trọng đãi (thời ấy, tông thất nhà Hán được phong vương, đất phong được gọi là Quốc, nên mới có nước Ngô, nước Sở v.v... và mỗi nước chư hầu ấy cũng có triều đình riêng). Tiều Thố (200-154 trước Công Nguyên) được coi là “trí nang” (cái túi khôn) của Hán Văn Đế, quê ở Dĩnh Châu, thoát đầu giữ chức quan Thái Thường đời Hán Văn Đế. Về sau, lần lượt giữ các chức Thái Tử Xá Nhân, Bác Sĩ, Thái Tử Gia Lệnh (thầy dạy Thái Tử). Thái Tử Luu Khải (tức Hán Cảnh Đế sau này) hết sức tôn trọng ông, thường dùng mỹ hiệu “trí nang” để gọi ông thay vì gọi thẳng tên. Đầu thời Cảnh Đế, Tiều Thố giữ chức Ngự Sử Đại Phu. Ông từng dâng thư xin vua chú trọng nông nghiệp, tăng cường phòng vệ biên cương, tập trung quyền lực bằng cách tước đoạt binh quyền và đất phong của chư hầu. Thế là vua bầy nước chư hầu gồm Ngô Vương Luu Ty, Sở Vương Luu Mậu, Giao Tây Vương Luu Ngang, Giao Đông Vương Luu Hùng Cừ, Truy Xuyên Vương Luu Hiền, Tế Nam Vương Luu Tích Quang và Triệu Vương Luu Toại phát cờ làm phản, cùng kéo binh về kinh đô, giương chiêu bài “tru Tiều Thố, thanh quân xí” (giết Tiều Thố, dọn sạch những kẻ kết bè kéo cánh bên cạnh nhà vua). Do sẵn ganh tỵ và đùng chạm từ trước, Viên Áng lên vào cung khuyên vua giết Tiều Thố để xoa dịu quân phản loạn. Vua nghe lời, sai người lôi Tiều Thố ra chợ chém ngang lưng. Tuy Tiều Thố đã chết, quân phản loạn không rút lui, Ngô Vương tự xưng là Hoàng Đế. Cuối cùng nhờ Thái Úy Châu Á Phu và Đại Tướng Quân Đậu Anh đốc sức mới dẹp tan quân phản loạn. Tuy vậy, do khéo ăn nói và khéo đón gió, Viên Áng rất được vua tin dùng. Về sau, do Viên Áng can ngăn vua đừng lập Luong Vương Luu Vũ làm Thái Tử, nên kết oán với Luong Vương, bị Luong Vương thuê thích khách giết chết.

⁵ Một cân là mười sáu lạng. Cân tại Hương Cảng, Macao và Đài Loan chừng 605g, cân tại Trung Hoa Đại Lục chỉ có 500g.

trước ta thiếu nợ hắn, hãy trả lại cho hắn, chẳng có tâm oán hận! Nếu ta chẳng nợ hắn, hắn đoạt đi cũng chẳng sao! Đòi sau hắn còn phải trả kèm thêm tiền lời cho ta. Tâm bình khí hòa để xử lý chuyện này, đó là chánh xác. Hắn cướp đoạt những thứ của ta, đó là trộm lầy, là “đạo tâm” (盜心: cái tâm trộm cắp). Nếu ta dùng thủ đoạn để lấy lại thì cũng là “đạo tâm”, cũng phạm vào sai lầm. Kẻ ấy phạm lỗi lầm, ta chẳng phạm lỗi lầm, chẳng cần phải so đo, hãy thành tựu đức hạnh của chính mình. Không chỉ chẳng oán hận, mà còn phải cảm tạ. Giống như khảo thí, công phu của ta rốt cuộc như thế nào? Bỏ thí, trì giới, nhẫn nhục, trải qua sự việc để luyện tâm, trải qua những chuyện ấy để khảo nghiệm chính mình có thành tựu hay không. Vì thế, luôn dùng cái tâm cảm ơn để xử lý.

Phàm là kẻ hủy báng, ganh ghét, lăng nhục, tổn thương ta, ta đều cảm ơn. Vì sao? Toàn là đến khảo nghiệm ta để xem rốt cuộc ta là học Phật thật sự hay giả vờ học. Nếu đối với những nghịch cảnh và các kẻ ác ấy mà còn có tâm oán hận, chứng tỏ chúng ta đã học Phật uổng công rồi! Đức Phật dạy như thế nào, đều quên sạch cả rồi! Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật trong lúc tu nhân, tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, gặp phải vua Ca Lợi, bị lăng trì xử tử, Bồ Tát chẳng có chút tâm oán hận nào, Nhẫn Nhục Ba La Mật bền viên mãn. Nếu không gặp tình cảnh ấy, Ngài vẫn chưa tu viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật. Trong lần khảo đảo to lớn cuối cùng ấy, Ngài trúng cách, vượt qua, chẳng oán hận vua Ca Lợi, mà còn cảm tạ nhà vua. Lúc sắp chết, bảo vua Ca Lợi: *“Trong tương lai, ta thành Phật, sẽ độ nhà vua đầu tiên”*. Đó là báo ân, như vậy mới là đệ tử đức Phật, chúng ta hãy nên học tập điều này. Đúng là thật sự học hiểu, chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi. Bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều chẳng động tâm, giữ gìn sự “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, vĩnh viễn giữ tâm cảm ân, tâm báo ân, đó là đúng. Đừng sợ bị thua thiệt. Bị thua thiệt là có phước, đừng chiếm tiện nghi của kẻ khác. Chiếm tiện nghi là họa hại, là tai họa, biết bị thua thiệt là phước, cổ thánh tiên hiền nói chẳng sai! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!